

| | |
|-----------------------------------|-----|
| SỔ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T.SƠN LA | |
| Số: 3042 | ĐẾN |
| Ngày: 20.3.18 | |
| Chuyển: phòng TNN Sơn La | |

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty điện lực Sơn La, khai thác nguồn nước mặt cho công trình thủy điện Sơ Vin

-K: BGĐ

✓

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với công trình thủy điện Sơ Vin;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty điện lực Sơn La và đề nghị của Công ty điện lực Sơn La tại văn bản số 114/PCSL-BQLDA ngày 29 tháng 01 năm 2018 và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ Biên bản hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước công trình thủy điện Sơ Vin;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty điện lực Sơn La (có địa chỉ tại số 160 đường 3/2 tổ 10, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với công trình thủy điện Sơ Vin và đề nghị của Công ty tại văn bản số 114/PCSL-BQLDA ngày 29 tháng 01 năm 2018, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: thủy điện Sơ Vin.
2. Mục đích sử dụng nước của công trình: phát điện.
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện (điện lượng trung bình hằng năm Eo là 10,65 triệu kWh).
4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với mục đích khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện là: 1.204,46 đồng/kWh (tính bằng $70\% \times 1.720,65$ đồng/kWh).

5. Tổng số tiền phải nộp (từ năm 2018 đến năm 2028):

5.1. Tổng số tiền phải nộp: **1.289.427.000** đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng*), trong đó:

- Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (từ ngày 13/02/2018 đến hết ngày 12/2/2028): 1.282.750.000 đồng.

- Theo đề nghị của Công ty (từ ngày 25/01/2018 đến ngày 12/02/2018): 6.677.000 đồng.

5.2. Tổng số tiền phân ra từng năm phải nộp như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (năm 2018) là: 119.840.000 đồng.

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo là: 128.275.000 đồng.

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (năm 2028) là: 15.112.000 đồng.

6. Phương án nộp tiền: nộp theo Quý.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Sơn La.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh Sơn La có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Công ty điện lực Sơn La có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017, thì Công ty phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Sơn La và Giám đốc Công ty điện lực Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Sơn La;
- Sở TN&MT Sơn La;
- Tổng Cục Thuế;
- Lưu: VT, VP, TNN, HSCP.

Chữ ký

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Chữ ký

Trần Quý Kiên